

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
1	350107	Trần Phạm Thảo	Anh	3501	16		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
2	350123	Phùng Thị Kim	Dung	3501	16		8.19		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
3	350131	Đinh Thị	Hương	3501	14		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
4	350138	Hoàng Thị	Thương	3501	13	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
5	350225	Đặng Thị	Huyền	3502	14		8.29		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
6	350226	Cao Thị	Thảo	3502	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
7	350227	An Thị Hà	Trang	3502	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
8	350235	Phạm Thị Thu	Hằng	3502	14		8.14		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
9	350240	Nguyễn Thị Thu	Hà	3502	16	TCXH1	7.75		87		840 000	840 000	
10	350241	Sa Thị	Duyến	3502	16	TCXH1	7.44		87		840 000	840 000	
11	350242	Quan Thị	Tuyến	3502	15	TCXH1	7.27		87		840 000	840 000	
12	350243	Hoàng Văn	Nguyễn	3502	7	TCXH1	8.43		88		840 000	840 000	
13	350246	Nông Văn	Đồng	3502	14	TCXH1	7.07		87		840 000	840 000	
14	350247	Trần Thị	Trà	3502	16		8.31		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
15	350252	Nông Thị	Thịnh	3502	14	TCXH1	7.36		87		840 000	840 000	
16	350255	Quang Thị	Nhi	3502		TCXH1					840 000	840 000	
17	350264	Hà Thị	Lý	3502	16	TCXH1	7.50		67		840 000	840 000	
18	350307	Bùi Thị Hằng	Nga	3503	18		8.11		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
19	350344	Đinh Thị	Khiếu	3503	14	TCXH1	7.71		87		840 000	840 000	
20	350345	Phạm Văn	Lợi	3503	10	TCXH2	7.80		88		600 000	600 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
21	350348	Bùi Thị	Thuỷ	3503	15	TCXH1	7.53		88		840 000	840 000	
22	350349	Triệu Hồng	Nhung	3503	12	TCXH1	7.50		88		840 000	840 000	
23	350351	Bùi Thị Hương	Nhàn	3503	12	TCXH1	7.75		88		840 000	840 000	
24	350353	Lê Thị Thu	Thuỷ	3503	16		8.19		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi
25	350354	Nguyễn Thị	Chang	3503	14		8.36		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
26	350364	Trần Thị	Mai	3503	17	TCXH1	7.53		87		840 000	840 000	
27	350410	Mâu Hồng	Anh	3504	14		8.43		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
28	350429	Nguyễn Thị	Xinh	3504	17		7.94		78	1 750 000		1 750 000	Khá
29	350441	Nông Phương	Trinh	3504	15	TCXH1	7.67		78		840 000	840 000	
30	350442	Triệu Thị	Cánh	3504	14		8.00		79	1 750 000		1 750 000	Khá
31	350452	Lò Thị	Huệ	3504	14	TCXH1	7.57		60		840 000	840 000	
32	350527	Phan Thị ánh	Nguyệt	3505	14		8.21		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
33	350537	Hứa Thế	Minh	3505	14		8.07		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
34	350540	Hà Thị	Son	3505	14	TCXH1	7.07		67		840 000	840 000	
35	350541	Đặng Thị	Mai	3505	12	TCXH1	7.58		89		840 000	840 000	
36	350545	Nguyễn Thị Hải	Yến	3505	14		8.21		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
37	350551	Vũ Thị	Tinh	3505	18		8.22		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
38	350606	Trương Thị	Luyến	3506	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
39	350621	Nguyễn Thị	Trang	3506	14		8.79		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
40	350624	Đặng Thị Hương	Thảo	3506	15		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
41	350633	Từ Thị Bích	Nguyệt	3506	18		8.17		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
42	350636	Lò Thị	Tuyền	3506	13	TCXH1	7.62		88		840 000	840 000	
43	350637	Mạc Đình	Thái	3506	12	TCXH1	7.42		87		840 000	840 000	
44	350652	Nguyễn Thị	Thiện	3506	17	TCXH1	7.82		87		840 000	840 000	
45	350719	Lê Thị Thu	Hà	3507	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
46	350727	Nguyễn Hoàng Ngọc	Triều	3507	14	TCXH1	7.21		87		840 000	840 000	
47	350739	Đặng Thị	Lai	3507	14	TCXH1	7.57		67		840 000	840 000	
48	350741	Lường Thị Thu	Thảo	3507	16	TCXH1	7.38		87		840 000	840 000	
49	350743	Vy Thị	Tuyết	3507	13	TCXH1	7.31		87		840 000	840 000	
50	350750	Trần Thị Thanh	Huyền	3507	14		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
51	350751	Triệu Thị	ánh	3507	14	TCXH1	7.50		87		840 000	840 000	
52	350753	Dương Thị Hoài	Thu	3507	11	TCXH1	6.73		84		840 000	840 000	
53	350838	Hà Thị	Viên	3508	11	TCXH1	6.00	1	84		840 000	840 000	
54	350845	Nguyễn Thuý	Quỳnh	3508	14		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
55	350846	Phạm Thị	Nhung	3508	14		8.14		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
56	350848	Bùi Thị Kiều	Trang	3508	12	TCXH1	8.00		98		840 000	840 000	
57	350852	Hồ Thị	Mây	3508	14	TCXH1	7.64		87		840 000	840 000	
58	350921	Đào Thị	Nhinh	3509	18		8.17		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
59	350932	Trần Thị Thùy	Dung	3509	16		8.19		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi
60	350934	Hoàng Thị	Yến	3509	12	TCXH1	8.00		88		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
61	350936	Phàn Thị	Phượng	3509	18	TCXH1	7.28		87		840 000	840 000	
62	350944	Nguyễn Thị Nhật	Hồng	3509	17		8.47		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
63	350946	Hoàng Thị	Chung	3509	11	TCXH1	8.00		98		840 000	840 000	
64	350948	Dương Thị Hoài	Thanh	3509	15		8.93		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
65	350949	Hà Thị Phương	Thảo	3509	14	TCXH1	7.14		87		840 000	840 000	
66	350954	Sầm Thị	Nguyệt	3509	13	TCXH1	7.54		88		840 000	840 000	
67	350958	Đinh Thị	Hoa	3509	16	TCXH1	7.63	1	87		840 000	840 000	
68	350960	Nguyễn Hồng	Nhung	3509	16		8.25		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
69	350967	Đoàn Thị Kim	Phượng	3509	17		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
70	351002	Nguyễn Thị	Phượng	3510	17		8.00		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
71	351006	Pay Thị	Dung	3510	10	TCXH1	7.40		87		840 000	840 000	
72	351008	Bùi Thị	Ngọc	3510	15		8.20		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
73	351013	Nguyễn Quang	Hưng	3510	15		8.53		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
74	351015	Nguyễn Thị Minh	Trang	3510	15		8.33		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
75	351019	Phạm Thu	Lan	3510	18		8.33		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
76	351037	Hoàng Thị	Hạnh	3510	14	TCXH1	6.93		84		840 000	840 000	
77	351042	Nguyễn Văn	Anh	3510	11	TCXH1	7.09		84		840 000	840 000	
78	351051	Lương Thị Lan	Anh	3510	9	TCXH1	7.56		87		840 000	840 000	
79	351053	Phan Thị	Phượng	3510	15	TCXH1	7.47		87		840 000	840 000	
80	351066	Sùng A	Khứ	3510	17	TCXH1	6.82	1	84		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
81	351103	Nguyễn Hoàng	Anh	3511	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
82	351104	Nguyễn Lệ	Thuỷ	3511	16		8.31		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
83	351112	Tạ Thị Lan	Phương	3511	20		8.30		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
84	351114	Vũ Thị Hồng	Diện	3511	17		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
85	351127	Lê Mạnh	Quân	3511	14	TCXH2	7.67		87		600 000	600 000	
86	351130	Dương Thị	Hải	3511	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
87	351133	Vũ Thị	Hiển	3511	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
88	351136	Lý Thị	Hoa	3511	15	TCXH1	7.67		87		840 000	840 000	
89	351144	Nguyễn Thị	Hạnh	3511	14		8.21		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
90	351152	Nguyễn Thị	Hương	3511	14	TCXH1	7.79		87		840 000	840 000	
91	351166	Lương Thu	Hiền	3511	15	TCXH1	7.53		87		840 000	840 000	
92	351203	Nguyễn Thị	Mai	3512	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
93	351224	Nguyễn Bá	Khuyến	3512	16		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
94	351225	Lê Thị Yến	Ly	3512	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
95	351228	Trần Thị Hằng	Ngà	3512	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
96	351235	Lý Hồng	Hạnh	3512	15	TCXH1	8.20		88	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
97	351242	Bùi Thị Thu	Hiền	3512	13	TCXH1	6.85		93		840 000	840 000	
98	351244	Nguyễn Thị Hải	Yến	3512	16		8.19		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
99	351248	Tòng Thị	Thinh	3512	18	TCXH1	7.67		87		840 000	840 000	
100	351254	Tòng Mai	Phương	3512	13	TCXH1	7.31		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
101	351258	Ngô Thị Ngọc	Anh	3512	15		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
102	351260	Đặng Thanh	Vũ	3512	18		8.44		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
103	351264	Ngô Thị	Hạnh	3512	15		8.20		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
104	351318	Trần Kiều	Oanh	3513	14		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
105	351323	Vũ Thị	Mai	3513	14		8.14		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
106	351332	Trần Thị Bích	Ngọc	3513	15		8.20		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
107	351337	Lô Thị	Lệ	3513	16	TCXH1	7.13		69		840 000	840 000	
108	351342	Vi Phương	Quý	3513	13	TCXH1	7.62		87		840 000	840 000	
109	351352	Nông Thị	Trang	3513	13	TCXH1	7.62		69		840 000	840 000	
110	351353	Hoàng Thị Nhật	Lệ	3513	15	TCXH1	7.20		69		840 000	840 000	
111	351435	Ma Thị	Bằng	3514	13	TCXH1	7.77		67		840 000	840 000	
112	351437	Lý Thị Hồng	Nhung	3514	14		8.21		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
113	351452	Nguyễn Thị	Hiền	3514	14		8.07		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
114	351512	Trần Phương	Mai	3515	14		8.36		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
115	351543	Lý Thị Thanh	Nhã	3515	16	TCXH1	7.50		67		840 000	840 000	
116	351549	Vi Thị Yến	Quỳnh	3515	14		8.43		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
117	351550	Tô Việt	Dũng	3515	17	TCXH1	6.59		84		840 000	840 000	
118	351551	Hà Văn	Tân	3515	12	TCXH1	7.42		87		840 000	840 000	
119	351553	Vi Văn	Can	3515	14	TCXH1	7.79		87		840 000	840 000	
120	351554	Nguyễn Ngọc Trà	My	3515	15		7.93		96	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
121	351556	Hứa Thị	Ngọc	3515	14	TCXH1	7.64		87		840 000	840 000	
122	351557	Đinh Thuý	Miên	3515	14	TCXH1	7.21		87		840 000	840 000	
123	351559	Lô Thị Lan	Anh	3515	17	TCXH1	4.12	3	68		840 000	840 000	
124	351562	Trần Thị Ngọc	Thu	3515	18		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
125	351602	Nguyễn Bá	Hiếu	3516	15		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
126	351621	Ngô Thị	Anh	3516	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
127	351640	Bùi Thị	Thoa	3516	13	TCXH1	7.38		84		840 000	840 000	
128	351645	Đỗ Khánh	Quỳnh	3516	14		8.29		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
129	351652	Phạm Thị	Dung	3516	18	TCXH1	7.22		87		840 000	840 000	
130	351654	Trương Công	Đức	3516	13	TCXH1	7.38		87		840 000	840 000	
131	351716	Vy Thị	Vương	3517	13	TCXH1	7.85		87		840 000	840 000	
132	351722	Phạm Quang	Đại	3517	17		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
133	351738	La Thị	Môn	3517	14	TCXH1	7.43		87		840 000	840 000	
134	351745	Lương Thị Mỹ	Hạnh	3517	12	TCXH1	7.83		87		840 000	840 000	
135	351751	Sái Thị	Hường	3517	16	TCXH1	7.25		87		840 000	840 000	
136	351752	Vy Phương	Thảo	3517	16	TCXH1	6.06	2	84		840 000	840 000	
137	351753	Hoàng Mạnh	Cường	3517	14		8.21		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
138	351759	Hoàng Thị	Vân	3517	15	TCXH1	7.73		87		840 000	840 000	
139	351760	Nông Văn	Phong	3517	14	TCXH1	6.79		84		840 000	840 000	
140	351806	Phạm Tuấn	Anh	3518	18		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
141	351811	Nguyễn Thị	Hà	3518	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
142	351817	Nguyễn Thị	Nhung	3518	14		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
143	351834	Nguyễn Ngọc	Bích	3518	15		8.20		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
144	351840	Trương Thị Kiều	Diễm	3518	17	TCXH1	8.00		88	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
145	351842	Nông Văn	Chấn	3518	18	TCXH1	7.11	1	84		840 000	840 000	
146	351845	Phạm Thị Vy	Thương	3518	15	TCXH1	8.00		87	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
147	351847	Nguyễn Thị	Nga	3518	14		8.07		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
148	351852	Xeo Thái	Dịu	3518	11	TCXH1	6.64	1	83		840 000	840 000	
149	351856	Hoàng Thị	Phượng	3518	16	TCXH1	7.38		86		840 000	840 000	
150	351857	Hoàng Thị Ngọc	Mai	3518	17	TCXH1	6.71	1	83		840 000	840 000	
151	351907	Bùi Hồng	Nhung	3519	14		8.21		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
152	351910	Phạm Ngọc	Tuân	3519	15		8.33		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
153	351921	Lê Thị	Lan	3519	14		8.00		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
154	351931	Tạ Đức	Nhật	3519	16		8.31		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
155	351949	Thàng Thị Thanh	Tâm	3519	14	TCXH1	7.71		67		840 000	840 000	
156	351957	Bùi Thị	Nhâm	3519	16	TCXH1	6.81	1	84		840 000	840 000	
157	351959	Hà Thị	Thuỷ	3519	13	TCXH1	7.92		87		840 000	840 000	
158	352008	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3520	14		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
159	352025	Đỗ Thị Huyền	Trang	3520	14		8.36		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
160	352030	Vũ Thị Ngọc	Anh	3520	14		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
161	352036	Bàn Thị Yên	3520	16	TCXH1	7.94		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
162	352037	La Quỳnh Anh	3520	8	TCXH1	7.75		67		840 000	840 000	
163	352038	Bùi Thị Thuý	3520	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
164	352041	Mã Thị Huế	3520	12	TCXH1	7.50		87		840 000	840 000	
165	352054	Hoàng Hạ Vy	3520	17	TCXH1	7.53		96		840 000	840 000	
166	352057	Phạm Thị Thu	3520	14	TCXH1	7.57		87		840 000	840 000	
167	352058	Hoàng Thị Linh	3520	18	TCXH1	7.39		87		840 000	840 000	
168	352059	Hoàng Thị Viên	3520	16	TCXH1	6.81		84		840 000	840 000	
169	352102	Vũ Thị Thanh Hương	3521	16		8.00		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
170	352105	Nguyễn Nhật Linh	3521	17		8.41		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
171	352114	Nguyễn Lan Hương	3521	14		8.14		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
172	352135	Phạm Thị Hòa	3521	14		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
173	352136	Lâm Văn Quyền	3521	17	TCXH1	7.53		87		840 000	840 000	
174	352138	Bế Thị Thuý Bình	3521	14	TCXH1	7.57		87		840 000	840 000	
175	352143	Nông Thị Lan	3521	14	TCXH1	6.93	1	78		840 000	840 000	
176	352152	Nguyễn Thị Thu Hương	3521	18	TCXH1	7.33		87		840 000	840 000	
177	352207	Nguyễn Yến Mai	3522	14		8.36		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
178	352218	Bùi Thị Thu	3522	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
179	352223	Nguyễn Thị Sâm	3522	14		8.21		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
180	352252	Nông Thị Thanh	3522	14	TCXH1	7.50		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
181	352257	Cao Thị	Khuyên	3522	15	TCXH1	7.07		67		840 000	840 000	
182	352266	Nguyễn Thái	Hậu	3522	18	TCXH1	6.00	1	78		840 000	840 000	
183	352301	Lê Thị	Liệu	3523	14		8.64		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
184	352316	Nguyễn Thị	Nhung	3523	15		8.00		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
185	352320	Triệu Văn	Hướng	3523	18	TCXH1	6.39	1	86		840 000	840 000	
186	352333	Lưu Huyền	Ngọc	3523	17	TCXH1	7.29		87		840 000	840 000	
187	352341	Hầu Tuyết	Ngân	3523	18		8.33		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
188	352348	Nguyễn Thị	Nguyệt	3523	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
189	352349	Giáp Thị Thu	Hòa	3523	15		8.27		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
190	352353	Bàn Kiều	Chang	3523	14	TCXH1	7.86		88		840 000	840 000	
191	352354	Hà Thị	Tiên	3523	16	TCXH1	7.44		88		840 000	840 000	
192	352358	Phạm Thị	ánh	3523	11	TCXH1	7.00	1	88		840 000	840 000	
193	352415	Nguyễn Thị Đan	Thanh	3524	16		8.19		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
194	352427	Đinh Thị	Quyên	3524	14		8.21		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
195	352437	Phạm Thị	Huệ	3524	15	TCXH1	7.73	1	89		840 000	840 000	
196	352440	Nông Thu	Hương	3524	15	TCXH1	8.00		88	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
197	352445	Phạm Thuỳ	Linh	3524	8	TCXH1	7.25		89		840 000	840 000	
198	352451	Hoàng Thị Thu	Quyên	3524	13	TCXH1	7.15		89		840 000	840 000	
199	352463	Sùng A	Tổng	3524	8	TCXH1	6.25		64		840 000	840 000	
200	352528	Trần Thị	Thoa	3525	14		8.29		99	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
201	352534	Bế Thị	Hợp	3525	17	TCXH1	7.47		87		840 000	840 000	
202	352535	Nguyễn Thị	Thọ	3525	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
203	352539	Bàn Thị	Tiên	3525	16	TCXH1	7.56		87		840 000	840 000	
204	352541	Trần Thị Ngọc	Anh	3525	10	TCXH1	6.50		64		840 000	840 000	
205	352545	Nguyễn Hoài	Phương	3525	15	TCXH1	8.07		88	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
206	352552	Trần Thị	Hương	3525	15		8.73		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
207	352554	Lê Bảo	Ngọc	3525	15		8.20		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
208	352602	Trần Thị	Trúc	3526	17		8.35		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
209	352609	Nguyễn Thu	Trang	3526	17		8.18		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
210	352624	Trần Thị	Hoa	3526	18		8.22		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
211	352634	Nông Thị	Yên	3526	11	TCXH1	7.73		69		840 000	840 000	
212	352640	Trần Thị Quỳnh	Diệp	3526	15	TCXH1	7.47		84		840 000	840 000	
213	352641	Nịnh Thu	Hường	3526	15	TCXH1	7.27		87		840 000	840 000	
214	352648	Lê Thị	Khuyên	3526	14		8.00		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
215	352657	Phan Thu	Thủy	3526	16	TCXH1	7.31	1	66		840 000	840 000	
216	352658	Hoàng Thị Kim	Oanh	3526	18		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
217	352664	Triệu Văn	Hùng	3526	13	TCXH1	7.15		87		840 000	840 000	
218	360102	Mã Lan	Hương	3601	17		7.65		97	1 750 000		1 750 000	Khá
219	360104	Đinh Thị Phương	Hảo	3601	16		7.81		87	1 750 000		1 750 000	Khá
220	360106	Nông Văn	Quỳnh	3601	15	TCXH1	7.60		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
221	360107	Giàng A	Làng	3601	15	TCXH1	5.80	1	82		840 000	840 000	
222	360108	Trần Thanh	Tuấn	3601	18	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
223	360109	Triệu Thị	Yến	3601	18	TCXH1	7.78		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
224	360111	Lâm Hoàng Thuận	Yến	3601	18	TCXH1	6.78		84		840 000	840 000	
225	360112	Phạm Thị	Oanh	3601	17		7.76		87	1 750 000		1 750 000	Khá
226	360113	Phạm Thị	Hồng	3601	18	TCXH1	6.78		84		840 000	840 000	
227	360140	Nguyễn Thị	Hồng	3601	18		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
228	360141	Nguyễn Hồng	Nhung	3601	18		8.83		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
229	360145	Hoàng Thị	Chang	3601	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
230	360150	Nguyễn Cẩm	Anh	3601	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá
231	360153	Nguyễn Việt	Trung	3601	18		8.17		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
232	360161	Nguyễn Minh	Hằng	3601	18		7.61		87	1 750 000		1 750 000	Khá
233	360164	Hoàng Ngọc	Lan	3601	17		7.65		87	1 750 000		1 750 000	Khá
234	360202	Hoàng Thị	Thu	3602	17	TCXH1	6.71		86		840 000	840 000	
235	360209	Vũ Hoàng	Anh	3602	17		7.88		93	1 750 000		1 750 000	Khá
236	360263	Nguyễn Trúc	Uyên	3602	17		7.71		82	1 750 000		1 750 000	Khá
237	360267	Phạm Thị	Hà	3602	17	TCXH1	7.29		88		840 000	840 000	
238	360301	Thào A	Sùng	3603	18	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
239	360302	Lường Thị	Thắm	3603	15	TCXH1	6.93		84		840 000	840 000	
240	360311	Nguyễn Kiều	Linh	3603	17	TCXH1	7.29		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
241	360312	Phạm Kim	Phụng	3603	17		7.65		87	1 750 000		1 750 000	Khá
242	360313	Đinh Thị Quỳnh	Mơ	3603	14		7.79		87	1 750 000		1 750 000	Khá
243	360326	Lê Thị Kim	Anh	3603	16		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
244	360328	Phan Thị Bảo	Ngọc	3603	15		7.80		87	1 750 000		1 750 000	Khá
245	360329	Trần Thị	Hòa	3603	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
246	360332	Lê Thị	Giang	3603	14		8.14		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
247	360342	Hà Thị	Thủy	3603	18		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
248	360354	Dương Văn	Quý	3603	17		7.82		98	1 750 000		1 750 000	Khá
249	360361	Nguyễn Thị Phương	Anh	3603	18		7.72		96	1 750 000		1 750 000	Khá
250	360405	Nguyễn Thị	Hạ	3604	17		7.65		87	1 750 000		1 750 000	Khá
251	360410	La Thị	Huệ	3604	13	TCXH1	6.08		84		840 000	840 000	
252	360416	Trương Công	Hữu	3604	15	TCXH1	6.53		84		840 000	840 000	
253	360418	Hoàng Thị	Thu	3604	17	TCXH1	7.18		87		840 000	840 000	
254	360424	Hoàng Lệ	Điểm	3604	18	TCXH1	6.83		84		840 000	840 000	
255	360427	Nguyễn Minh	Hùng	3604	15		7.60		77	1 750 000		1 750 000	Khá
256	360441	Lê Anh	Thắng	3604	15		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
257	360470	Đào Thị Hồng	ánh	3604	16	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
258	360502	Triệu Thị	Huyền	3605	14	TCXH1	6.36		84		840 000	840 000	
259	360505	Nông Thị Kim	Tuyết	3605	18	TCXH1	6.78		84		840 000	840 000	
260	360507	Hà Thị	Xuyến	3605	16	TCXH1	6.56		84		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
261	360508	Dương Thị Như	3605	17	TCXH1	6.88		84		840 000	840 000	
262	360512	Trịnh Nguyễn Huyền My	3605	17		7.76		97	1 750 000		1 750 000	Khá
263	360520	Nông Thị Trang	3605	17		7.76		87	1 750 000		1 750 000	Khá
264	360521	Đinh Thị Hoài Thu	3605	18		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
265	360526	Trần Thị Minh Hương	3605	18		8.28		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
266	360533	Vũ Thị Hường	3605	18		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
267	360542	Đinh Thị Giang	3605	17		7.71		87	1 750 000		1 750 000	Khá
268	360547	Đinh Thị Vĩ	3605	15		7.80		87	1 750 000		1 750 000	Khá
269	360549	Trần Thị Thu Trang	3605	18		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
270	360559	Lưu Văn Hương	3605	17		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
271	360602	Ma Thị Hoà	3606	15	TCXH1	6.80		84		840 000	840 000	
272	360606	Lê Thị Huyền	3606	18	TCXH1	6.89		84		840 000	840 000	
273	360608	Triệu Thị Bay	3606	18	TCXH1	6.44		84		840 000	840 000	
274	360609	Hoàng Thị Mai Huệ	3606	18	TCXH1	6.72		84		840 000	840 000	
275	360610	Nguyễn Phương Thảo	3606	17	TCXH1	7.41		87		840 000	840 000	
276	360616	Nông Thị Quỳnh Như	3606	18	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
277	360630	Nguyễn Thị Kiều Oanh	3606	18		7.61		87	1 750 000		1 750 000	Khá
278	360638	Nguyễn Thị Hiên	3606	14		7.64		87	1 750 000		1 750 000	Khá
279	360647	Bùi Thị Chiên	3606	18		7.72		87	1 750 000		1 750 000	Khá
280	360650	Nguyễn Thị Sang	3606	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
281	360653	Phạm Minh	Tuấn	3606	17	TCXH1	7.18		97		840 000	840 000	
282	360701	Phạm Thị Thu	Huyền	3607	17		7.88		96	1 750 000		1 750 000	Khá
283	360702	Lý Thị	Lâm	3607	15	TCXH1	5.80	1	82		840 000	840 000	
284	360705	Trần Nguyễn	Thanh	3607	14		8.36		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
285	360712	Quách Công	Đạt	3607	17	TCXH1	6.12		84		840 000	840 000	
286	360716	Hà Thị	Khuyên	3607	16	TCXH1	6.38		84		840 000	840 000	
287	360722	Hà Văn	Tú	3607	18	TCXH1	5.83	1	82		840 000	840 000	
288	360804	Cà Văn	Phát	3608	13	TCXH1	5.77		82		840 000	840 000	
289	360809	Triệu Thị	Xuân	3608	17	TCXH1	7.12		87		840 000	840 000	
290	360810	Đặng Thị Hương	Phấn	3608	13	TCXH1	0.46	4	28		840 000	840 000	
291	360819	Trần Thị	Thu	3608	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
292	360821	Lý Thị	Phượng	3608	18	TCXH1	7.00		88		840 000	840 000	
293	360823	Hoàng Thị	Lụa	3608	17	TCXH1	6.94		84		840 000	840 000	
294	360846	Đậu Thị	Long	3608	18		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
295	360848	Đào Hồng	Ngọc	3608	17		7.71		87	1 750 000		1 750 000	Khá
296	360850	Đoàn Văn	Nhật	3608	18		7.61		87	1 750 000		1 750 000	Khá
297	360859	Trần Thị	Thủy	3608	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
298	360861	Phạm Thị	Thanh	3608	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
299	360904	Lường Hồng	Lâm	3609	15	TCXH1	6.93		93		840 000	840 000	
300	360908	Hà Thị	Việt	3609	18	TCXH1	7.67		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
301	360919	Hà Thị	Huyền	3609	18	TCXH1	7.44		87		840 000	840 000	
302	360925	Hoàng Mỹ	Linh	3609	17	TCXH1	6.76	1	84		840 000	840 000	
303	360935	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	3609	18		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
304	360961	Ngô	Hoàn	3609	16		7.88		99	1 750 000		1 750 000	Khá
305	361001	Nguyễn Thị	Hạnh	3610	16		7.63		98	1 750 000		1 750 000	Khá
306	361006	Lương Phương	Thảo	3610	17	TCXH1	7.47		88		840 000	840 000	
307	361007	Trương Thị	Hạnh	3610	14	TCXH1	5.07	1	82		840 000	840 000	
308	361010	Hoàng Sỹ	Thống	3610	18	TCXH1	6.67		86		840 000	840 000	
309	361014	Bàn Thị	Oanh	3610	18	TCXH1	7.22		88		840 000	840 000	
310	361029	Trần Thị	Thơm	3610	15		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
311	361030	Lang Thị Thu	Đào	3610	15	TCXH1	6.73		84		840 000	840 000	
312	361065	Nguyễn Hà	My	3610	16		7.69		87	1 750 000		1 750 000	Khá
313	361106	Sầm Đức	Hiệp	3611	16	TCXH1	7.25		87		840 000	840 000	
314	361117	Nguyễn Thùy	Dương	3611	18		8.06		92	2 000 000		2 000 000	Giỏi
315	361129	Phạm Văn	Cường	3611	17	TCXH1	6.06	1	84		840 000	840 000	
316	361145	Trần Hà	Lan	3611	14		8.07		99	2 000 000		2 000 000	Giỏi
317	361146	Thân Thị Huyền	Trang	3611	18		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
318	361147	Bào Kim	Vân	3611	17	TCXH1	6.82		84		840 000	840 000	
319	361152	Phạm Thị	Bích	3611	15		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
320	361160	Bùi Phương	Thảo	3611	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
321	361167	Phạm Thị	Hương	3611	17		7.88		82	1 750 000		1 750 000	Khá
322	361204	Hoàng Thị	Loanh	3612	17	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
323	361206	Lý Văn	Hằng	3612	17	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
324	361208	Vương Thu	Thảo	3612	15	TCXH1	6.93		86		840 000	840 000	
325	361211	Dương Tố	Như	3612	18	TCXH1	6.78		86		840 000	840 000	
326	361213	Vì Thị Phương	Thảo	3612	17	TCXH1	7.59		87		840 000	840 000	
327	361220	Nguyễn Thu	Trang	3612	18		7.61		88	1 750 000		1 750 000	Khá
328	361226	Đỗ Thị Ngọc	Mai	3612	17		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
329	361235	Đoàn Thị	Lương	3612	17		7.65		87	1 750 000		1 750 000	Khá
330	361252	Nguyễn Vũ	Giang	3612	15		7.93		88	1 750 000		1 750 000	Khá
331	361256	Nguyễn Thị Quỳnh	Oanh	3612	18		7.83		95	1 750 000		1 750 000	Khá
332	361259	Đỗ Thùy	Linh	3612	17		8.35		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi
333	361302	Tô Thị Lan	Phương	3613	18		7.78		87	1 750 000		1 750 000	Khá
334	361303	Trần Thị	Lan	3613	17	TCXH1	6.29		84		840 000	840 000	
335	361304	Cà Thị	Kinh	3613	17	TCXH1	7.29		87		840 000	840 000	
336	361308	Bạch Thị	Yến	3613	18	TCXH1	6.61		84		840 000	840 000	
337	361333	Nguyễn Thị Lệ	Mỹ	3613	17		7.82		87	1 750 000		1 750 000	Khá
338	361403	Lường Thị	Phương	3614	17	TCXH1	6.12	1	84		840 000	840 000	
339	361405	Vương Văn	Vạnh	3614	18	TCXH1	6.22		66		840 000	840 000	
340	361407	Bùi Thị	Thương	3614	18		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
341	361411	Tráng A	Đạt	3614	14	TCXH1	5.71	1	64		840 000	840 000	
342	361413	Bế Thị	Linh	3614	17	TCXH1	6.41		66		840 000	840 000	
343	361415	Hoàng Văn	Tự	3614	15	TCXH1	6.60		68		840 000	840 000	
344	361440	Nguyễn Thị Bảo	Yến	3614	16		7.81		87	1 750 000		1 750 000	Khá
345	361460	Nguyễn Minh	Phương	3614	16		7.75		88	1 750 000		1 750 000	Khá
346	361464	Trần Thị Kim	Ngân	3614	18		7.78		87	1 750 000		1 750 000	Khá
347	361465	Bùi Thị Kim	Anh	3614	16		7.81		87	1 750 000		1 750 000	Khá
348	361504	Ma Thị	Hoài	3615	15	TCXH1	6.87		86		840 000	840 000	
349	361505	Nguyễn Thị	Tuyền	3615	14	TCXH1	7.29		82		840 000	840 000	
350	361508	Lô Thị	Thoa	3615	17	TCXH1	6.12	1	86		840 000	840 000	
351	361514	Trần Thảo	Nguyên	3615	17		7.65		95	1 750 000		1 750 000	Khá
352	361517	Vũ Thị Hằng	Ly	3615	17	TCXH1	6.76		79		840 000	840 000	
353	361519	Nông Thị	Lệ	3615	14	TCXH1	7.14		82		840 000	840 000	
354	361521	Vi Thị	Anh	3615	18	TCXH1	6.50		79		840 000	840 000	
355	361525	Trần Thị Huyền	Trang	3615	14		7.64		82	1 750 000		1 750 000	Khá
356	361529	Lưu Thị Thu	Hà	3615	18		7.94		83	1 750 000		1 750 000	Khá
357	361548	Dương Thị Minh	Hằng	3615	16		7.81		97	1 750 000		1 750 000	Khá
358	361552	Nguyễn Thị	Diễm	3615	17		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
359	361564	Lê Mỹ	Hạnh	3615	17		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
360	361601	Nguyễn Thị	Lệ	3616	18	TCXH1	7.06		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
361	361604	Triệu Thị	Sơn	3616	18	TCXH1	7.11		87		840 000	840 000	
362	361605	Nguyễn Lan	Anh	3616	18	TCXH1	6.50		77		840 000	840 000	
363	361606	Lò Thị Thuý	Ngọc	3616	17	TCXH1	6.76		84		840 000	840 000	
364	361615	Nguyễn Văn	Đoan	3616	15		7.67		86	1 750 000		1 750 000	Khá
365	361618	Thào Thị	Loan	3616	14	TCXH1	6.36		74		840 000	840 000	
366	361627	Trịnh Lê	Nhung	3616	15		7.80		87	1 750 000		1 750 000	Khá
367	361638	Nguyễn Hồng	Thơ	3616	17		8.06		90	2 000 000		2 000 000	Giỏi
368	361641	Lê Thị	Quý	3616	18	TCXH2	6.89		74		600 000	600 000	
369	361649	Nguyễn Thị	Thắm	3616	18		7.67		94	1 750 000		1 750 000	Khá
370	361656	Lê Thị Hồng	Nhung	3616	18		7.83		99	1 750 000		1 750 000	Khá
371	361658	Lê Thị	Hiệp	3616	18	TCXH1	6.78		84		840 000	840 000	
372	361701	Hứa Ngọc	Diệp	3617	18	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
373	361702	Hoàng Thị	Miên	3617	14	TCXH1	6.29		61		840 000	840 000	
374	361703	Thiều Thị Bích	Dần	3617	15	TCXH1	7.07		89		840 000	840 000	
375	361707	Hà Thị Kiều	Trang	3617	16	TCXH1	7.19		89		840 000	840 000	
376	361708	Bàn Thị	Lan	3617	15	TCXH2	6.80		61		600 000	600 000	
377	361710	Phạm Thị	Quy	3617	18	TCXH1	6.78		84		840 000	840 000	
378	361711	Cà Bình	Minh	3617	16	TCXH1	6.81		87		840 000	840 000	
379	361713	Đặng Bùi	Tươi	3617	15	TCXH1	6.00	1	54		840 000	840 000	
380	361714	Nông Thị	Phương	3617	16	TCXH1	7.31		82		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
381	361715	Tăng A	Si	3617	18	TCXH1	6.17	1	59		840 000	840 000	
382	361717	Hoàng Linh	Nga	3617	16	TCXH1	6.88		87		840 000	840 000	
383	361720	Dương Thị Hồng	Nhung	3617	17	TCXH1	6.65		60		840 000	840 000	
384	361734	Phạm Thị	Dung	3617	16		7.81		81	1 750 000		1 750 000	Khá
385	361735	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	3617	17		7.65		87	1 750 000		1 750 000	Khá
386	361741	Nguyễn Thị	Thắm	3617	18		7.72		81	1 750 000		1 750 000	Khá
387	361742	Đào Thị Thanh	Xuân	3617	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
388	361749	Phạm Thị Hồng	Tâm	3617	15		8.00		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
389	361762	Phạm Thị	Yến	3617	16		7.88		85	1 750 000		1 750 000	Khá
390	361802	Hoàng Thị	Ngà	3618	17	TCXH1	7.24		89		840 000	840 000	
391	361803	Quảng Thị	Miến	3618	18	TCXH1	7.39		89		840 000	840 000	
392	361815	Lò Văn	Cường	3618	18	TCXH1	6.11	1	86		840 000	840 000	
393	361816	Hoàng Thị	Ngoan	3618	18	TCXH1	7.11		87		840 000	840 000	
394	361817	Hoàng Thị	Thúy	3618	15	TCXH1	7.40		89		840 000	840 000	
395	361822	Đàm Nhật	Hoàng	3618	17	TCXH1	7.35		89		840 000	840 000	
396	361823	Lê Hoàng	Đạt	3618	17	TCXH1	6.65		95		840 000	840 000	
397	361824	Lù A	Mùa	3618	18	TCXH1	7.00		89		840 000	840 000	
398	361829	Nguyễn Thanh	Quang	3618	15		7.60		87	1 750 000		1 750 000	Khá
399	361844	Đỗ Thị Mai	Duyên	3618	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
400	361852	Trần Thị Mai	Sương	3618	18	TCXH1	7.28		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
401	361855	Trần Thị	Hằng	3618	15		7.73		87	1 750 000		1 750 000	Khá
402	361901	Hoàng Thị	Ngân	3619	15	TCXH2	7.00		87		600 000	600 000	
403	361903	Lâu A	Chua	3619	17	TCXH1	6.41		84		840 000	840 000	
404	361907	Trần Thị Ngọc	Nga	3619	18	TCXH2	6.72		84		600 000	600 000	
405	361909	Sông A	Chư	3619	18	TCXH1	6.22		84		840 000	840 000	
406	361910	Hà Thị	Thuỷ	3619	15	TCXH2	7.20		87		600 000	600 000	
407	361914	Quan Thị Mai	Hương	3619	18		7.83		97	1 750 000		1 750 000	Khá
408	361917	Ngân Thị	Ngoan	3619	17	TCXH1	6.82		84		840 000	840 000	
409	361922	Vĩ Đức	Thanh	3619	18	TCXH1	6.67		61		840 000	840 000	
410	361923	Lục Thị ánh	Nguyệt	3619	17	TCXH1	6.41		84		840 000	840 000	
411	361924	Lù A	Của	3619	18	TCXH1	5.72		82		840 000	840 000	
412	361941	Phạm Thị Thanh	Huệ	3619	15		7.93		89	1 750 000		1 750 000	Khá
413	362003	Diệp Thị Quỳnh	Hoa	3620	18	TCXH1	7.33		87		840 000	840 000	
414	362004	Hoàng Thị Lan	Anh	3620	14	TCXH1	7.07		67		840 000	840 000	
415	362012	Quách Thị	Tài	3620	18	TCXH1	6.56		84		840 000	840 000	
416	362013	Chu Thị	Oanh	3620	18	TCXH1	6.89		93		840 000	840 000	
417	362015	Lù A	Trừ	3620	17	TCXH1	6.35		64		840 000	840 000	
418	362020	Nông Thị	Đậm	3620	18	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
419	362021	Đinh Thị	Thanh	3620	16	TCXH1	5.88	1	62		840 000	840 000	
420	362022	Lương Thị	Sao	3620	18	TCXH1	7.22		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
421	362052	Nguyễn Thị	Thùy	3620	17		7.65		87	1 750 000		1 750 000	Khá
422	362102	Ngân Thị	Bùi	3621	16	TCXH1	6.19		84		840 000	840 000	
423	362104	Phạm Trung	Kiên	3621	16		7.63		96	1 750 000		1 750 000	Khá
424	362107	Trương Thị	Thuỷ	3621	15	TCXH1	7.60		67		840 000	840 000	
425	362111	Nông Thị	Quyên	3621	17	TCXH1	6.76		84		840 000	840 000	
426	362112	Phùng Thị Thùy	Linh	3621	16		7.69		87	1 750 000		1 750 000	Khá
427	362113	Nguyễn Thị	Khảm	3621	14	TCXH2	7.79		87	1 750 000	600 000	2 350 000	Khá
428	362116	Liêu Đình	Tuế	3621	13	TCXH1	6.38		84		840 000	840 000	
429	362123	Hà Thị Ngọc	Hoa	3621	15	TCXH1	6.00	1	84		840 000	840 000	
430	362137	Nguyễn Thị Hà	Lương	3621	18		7.61		87	1 750 000		1 750 000	Khá
431	362168	Trần Hải	Nam	3621	16		7.75		87	1 750 000		1 750 000	Khá
432	362201	Ma Thị Bích	Hậu	3622		TCXH1					840 000	840 000	
433	362208	Triệu Thị	Vinh	3622	16	TCXH1	6.38		59		840 000	840 000	
434	362209	Thào Thị Tuyết	Mai	3622	15	TCXH1	6.20		84		840 000	840 000	
435	362210	Đinh Thị	Thắm	3622	15	TCXH1	6.47		84		840 000	840 000	
436	362219	Pay Quỳnh	Trang	3622	17	TCXH1	6.82		84		840 000	840 000	
437	362227	Nguyễn Thị Vân	Anh	3622	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá
438	362234	Nguyễn Thị	Quyên	3622	17		7.71		87	1 750 000		1 750 000	Khá
439	362259	Nguyễn Thùy	Dương	3622	18		7.94		98	1 750 000		1 750 000	Khá
440	362263	Lê Văn	Hùng	3622	14		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
441	362269	Nguyễn Thành	Luân	3622	17		8.59		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
442	362301	Bàn Thị	Thuỳ	3623	14	TCXH1	6.43		84		840 000	840 000	
443	362304	Hà Thị	Hạnh	3623	17	TCXH1	5.29	1	82		840 000	840 000	
444	362306	Bế Thị Anh	Đào	3623	16	TCXH1	6.81		84		840 000	840 000	
445	362307	Hà Thị Khánh	Ly	3623	17	TCXH1	7.12		87		840 000	840 000	
446	362308	Hoàng Thị Quỳnh	Hoa	3623	17	TCXH1	7.59		87		840 000	840 000	
447	362309	Ngọc Thị Mai	Hoa	3623	16	TCXH1	7.06		87		840 000	840 000	
448	362310	Ma Văn	Điện	3623	17	TCXH1	7.29		87		840 000	840 000	
449	362312	Lữ Thị Hồng	Lâm	3623	17	TCXH1	7.24		87		840 000	840 000	
450	362317	Nông Trần	Thu	3623	18	TCXH1	7.44		87		840 000	840 000	
451	362319	Bàn Thị	Thuý	3623	17	TCXH1	7.29		87		840 000	840 000	
452	362320	Hoàng Diệu	Linh	3623	16	TCXH1	6.81		84		840 000	840 000	
453	362321	Quách Thị	Thơ	3623	16	TCXH1	6.94		84		840 000	840 000	
454	362337	Nguyễn Hiền	Giang	3623	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
455	362352	Hà Thị	Ngọc	3623	16		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
456	362355	Nguyễn Thanh	An	3623	17	TCXH2	7.82		84	1 750 000	600 000	2 350 000	Khá
457	362365	Dương Thùy	Nga	3623	18		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
458	362403	Chang A	Dì	3624	18	TCXH1	6.06	1	80		840 000	840 000	
459	362408	Trần Văn	Vinh	3624	18	TCXH1	6.61		84		840 000	840 000	
460	362412	Hoàng Thuỳ	Lan	3624	17	TCXH1	6.24		84		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
461	362418	Nguyễn Mạnh	Cường	3624	18	TCXH1	6.22	1	84		840 000	840 000	
462	362419	La Thị	Thảo	3624	18	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
463	362422	Dương Mỹ	Thiện	3624	18	TCXH1	6.83		84		840 000	840 000	
464	362431	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	3624	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá
465	362434	Nguyễn Trí	Tuấn	3624	18		7.61		98	1 750 000		1 750 000	Khá
466	362444	Chu Thị Huyền	Trang	3624	17		7.76		97	1 750 000		1 750 000	Khá
467	370103	Nông Sầm Thanh	Tâm	3701	18	TCXH1	6.56		61		840 000	840 000	
468	370107	Ngọc Thị Thuỳ	Trang	3701	14	TCXH1	7.21		87		840 000	840 000	
469	370110	Hoàng Thị Châu	Loan	3701	17	TCXH1	7.24		87		840 000	840 000	
470	370111	Hoàng Văn	Lai	3701	16	TCXH1	6.44		84		840 000	840 000	
471	370113	Cao Thu	Hương	3701	15	TCXH1	6.93		84		840 000	840 000	
472	370116	Vương Thu	Hạnh	3701	15	TCXH1	6.87		84		840 000	840 000	
473	370117	Nịnh Thị	Vương	3701	16	TCXH1	6.25		84		840 000	840 000	
474	370118	Nguyễn Thị	Thuý	3701	18		7.72		87	1 750 000		1 750 000	Khá
475	370120	Hạng A	Ly	3701	14	TCXH1	6.14		66		840 000	840 000	
476	370121	Hứa Thị	Yến	3701	15	TCXH1	6.87		84		840 000	840 000	
477	370122	Cứ A	Dơ	3701	15	TCXH1	5.67		64		840 000	840 000	
478	370124	Hứa Thị	Hường	3701	14	TCXH1	4.21	3	74		840 000	840 000	
479	370145	Nguyễn Lý Việt	Hà	3701	15	TCXH1	7.07		97		840 000	840 000	
480	370148	La Thị Việt	Trinh	3701	17	TCXH1	7.06		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
481	370152	Lê Thị Thanh	Nga	3701	15		7.60		87	1 750 000		1 750 000	Khá
482	370165	Trịnh Thị	Lợi	3701	14		7.57		87	1 750 000		1 750 000	Khá
483	370201	Lâm Thị Trâm	Anh	3702	15	TCXH1	7.60		98	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
484	370202	Đinh Thị	Uyên	3702	17		7.65		87	1 750 000		1 750 000	Khá
485	370203	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	3702	16	TCXH1	7.38		89		840 000	840 000	
486	370205	Dương Thị	Lê	3702	15	TCXH1	6.80		86		840 000	840 000	
487	370206	Lục Thị	Lý	3702	16	TCXH1	7.06		89		840 000	840 000	
488	370207	Nguyễn Thị	Lan	3702	14	TCXH1	7.00		89		840 000	840 000	
489	370213	Phạm Thị	Thúy	3702	16	TCXH1	6.69		86		840 000	840 000	
490	370220	Nguyễn Thị	Trâm	3702	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
491	370223	Linh Thị	Hoàn	3702	17	TCXH1	6.76		84		840 000	840 000	
492	370224	Thào A	Láu	3702	14	TCXH1	5.43	1	82		840 000	840 000	
493	370225	Vi Thị	Hương	3702	15	TCXH1	6.73	1	82		840 000	840 000	
494	370234	Trần Thị Mỹ	Duyên	3702	17		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
495	370239	Bế Văn	Nam	3702	15	TCXH1	7.20		89		840 000	840 000	
496	370243	Triệu Thị	Thảo	3702	15	TCXH1	6.93		82		840 000	840 000	
497	370245	Bàn Thị Việt	Hương	3702	17	TCXH1	7.06		85		840 000	840 000	
498	370248	Lộc Thế	Anh	3702	16	TCXH1	7.00		88		840 000	840 000	
499	370275	Nguyễn Hải	Anh	3702	14		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
500	370302	Bùi Hồng	Quân	3703	16		7.50		95	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
501	370305	Dương Thị	Quyên	3703	15	TCXH1	7.07		87		840 000	840 000	
502	370306	Chúc Thị Khánh	Linh	3703	13	TCXH1	6.77		84		840 000	840 000	
503	370308	Ma Kim	Thúy	3703	15	TCXH1	7.13		87		840 000	840 000	
504	370309	Lê Tuấn	Anh	3703	15		7.80		97	1 750 000		1 750 000	Khá
505	370310	Triệu Minh	Thu	3703	16	TCXH1	7.31		89		840 000	840 000	
506	370313	Phùng Thị	Thương	3703	16	TCXH1	6.69		84		840 000	840 000	
507	370314	Trần Thị	Nhân	3703	14	TCXH1	7.29		87		840 000	840 000	
508	370319	Phạm Thị	Phượng	3703	16	TCXH1	7.31		87		840 000	840 000	
509	370322	Bế Thanh	Thủy	3703	15	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
510	370323	Âu Thị	Điệp	3703	16	TCXH1	7.25		87		840 000	840 000	
511	370337	Đàm Thị	Trang	3703	16	TCXH1	6.44		84		840 000	840 000	
512	370342	Vi Thị Thuỳ	Dung	3703	17	TCXH1	6.59		84		840 000	840 000	
513	370345	Nguyễn	Khánh	3703	15		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
514	370358	Nguyễn Thị Thu	Hằng	3703	15		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
515	370360	Đỗ Thị	Chiến	3703	14		7.79		87	1 750 000		1 750 000	Khá
516	370361	Nguyễn Thị	Phượng	3703	17		7.82		87	1 750 000		1 750 000	Khá
517	370366	Trần Thị Thu	Huyền	3703	16		7.81		87	1 750 000		1 750 000	Khá
518	370372	Lưu Ngọc	ánh	3703	14		7.57		87	1 750 000		1 750 000	Khá
519	370404	Dương Thiên	Lý	3704	14	TCXH1	7.93		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
520	370406	Trương Cẩm	Hà	3704	14		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
521	370407	Hà Thị Thu	Thuỷ	3704	17	TCXH1	7.18		89		840 000	840 000	
522	370408	Nông Thị	Hằng	3704	17	TCXH1	7.18		87		840 000	840 000	
523	370416	Là Thị	Lanh	3704	10	TCXH1	6.20		68		840 000	840 000	
524	370418	Lý Thị	Hạnh	3704	15	TCXH1	6.13	1	84		840 000	840 000	
525	370425	Vi Thị	Lan	3704	18	TCXH1	6.61		84		840 000	840 000	
526	370435	Bùi Thị	Thủy	3704	18		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
527	370438	Phạm Ngọc	Mai	3704	15		7.60		95	1 750 000		1 750 000	Khá
528	370447	Chu Thị	Duyên	3704	15	TCXH1	7.13		89		840 000	840 000	
529	370457	Nguyễn Thuỳ	Linh	3704	17		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
530	370501	La Thị	Vân	3705	16	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
531	370504	Nguyễn Thị	Mai	3705	15	TCXH1	6.73		87		840 000	840 000	
532	370506	Nông Lan	Phương	3705	14		7.79		88	1 750 000		1 750 000	Khá
533	370516	Tráng Thị	Diện	3705	17	TCXH1	7.06		89		840 000	840 000	
534	370520	Vũ Thị	Mơ	3705	16		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
535	370524	Dương Thị Hồng	Mến	3705	17	TCXH1	6.29	1	86		840 000	840 000	
536	370541	Nguyễn Thị Phương	Linh	3705	14		7.86		87	1 750 000		1 750 000	Khá
537	370551	Đỗ Thị	Thanh	3705	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
538	370555	Đào Nguyễn Hồng	Minh	3705	19		8.13		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
539	370560	Lê Thị	Linh	3705	14		7.71		88	1 750 000		1 750 000	Khá
540	370562	Phan Thị	Phương	3705	18		7.61		88	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
541	370571	Nguyễn Hoàng	Dương	3705	16		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
542	370601	Hoàng Hương	Giang	3706	15	TCXH1	6.53		88		840 000	840 000	
543	370603	Bùi Thị	Ngọc	3706	14	TCXH1	6.71		84		840 000	840 000	
544	370608	Trần Ngọc	Linh	3706	14		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
545	370609	Hoàng Thị	Trường	3706	16	TCXH1	7.19		87		840 000	840 000	
546	370610	Vũ Ngọc	Minh	3706	16		7.81		87	1 750 000		1 750 000	Khá
547	370616	Lo Văn	Dương	3706	15	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
548	370618	Vi Thị	Nguyên	3706	15	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
549	370619	Ngô Thị Thu	Trang	3706	17		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
550	370621	Lò Thị	Thu	3706	14	TCXH1	6.64		84		840 000	840 000	
551	370626	Vũ Thị Hồng	Nhật	3706	15		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
552	370631	Hoàng Thương	Hà	3706	18	TCXH1	7.17		87		840 000	840 000	
553	370638	Ngô Thị Vân	Anh	3706	17		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
554	370641	Đặng Thị Quỳnh	Trang	3706	17		7.76		87	1 750 000		1 750 000	Khá
555	370643	Sầm Thị	Huyền	3706	18	TCXH1	7.11		88		840 000	840 000	
556	370644	Trần Thị	Hương	3706	17	TCXH1	7.35		87		840 000	840 000	
557	370645	Hoàng Thị	Hải	3706	18		7.67		88	1 750 000		1 750 000	Khá
558	370655	Ngô Thị Thảo	Phượng	3706	15		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
559	370674	Hoàng Thị Phương	Thảo	3706	14		7.64		87	1 750 000		1 750 000	Khá
560	370701	Lự Văn	Hùng	3707	16	TCXH1	3.63	3	59		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
561	370704	Hà Thị	Huyền	3707	15	TCXH1	7.13		84		840 000	840 000	
562	370705	Triệu Thị	Dung	3707	18		7.50		82	1 750 000		1 750 000	Khá
563	370710	Phan Thị	Độ	3707	14	TCXH1	7.00		84		840 000	840 000	
564	370716	Dương Văn	Anh	3707	17	TCXH1	6.82		66		840 000	840 000	
565	370719	Sùng Lành	Lưu	3707	14	TCXH1	5.64	1	77		840 000	840 000	
566	370720	Nguyễn Văn	Trình	3707	14	TCXH1	5.57	1	77		840 000	840 000	
567	370721	Hoàng Thị	Pỉ	3707	15	TCXH1	7.60		84	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
568	370722	Sùng A	Su	3707	14	TCXH1	6.57		61		840 000	840 000	
569	370723	Mùa Thị	Ly	3707	15	TCXH1	6.20		81		840 000	840 000	
570	370737	Hồ A	Lang	3707	16	TCXH1	5.69	1	79		840 000	840 000	
571	370739	Lữ Thị	Thương	3707	16	TCXH1	6.63		81		840 000	840 000	
572	370740	Lý Thị	Phương	3707	17	TCXH1	6.82		63		840 000	840 000	
573	370741	Khà Thị Thanh	Loan	3707	15	TCXH1	7.07		89		840 000	840 000	
574	370746	Trần Thị Thùy	Trang	3707	16		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
575	370749	Lê Thị Hoài	Trang	3707	16		7.75		87	1 750 000		1 750 000	Khá
576	370754	Nguyễn Thị Hương	Giang	3707	17		7.71		82	1 750 000		1 750 000	Khá
577	370761	Lê Thị	Vân	3707	17		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
578	370769	Đào Thị Thanh	Hương	3707	17		7.65		84	1 750 000		1 750 000	Khá
579	370801	Dương Thị Châu	Loan	3708	15	TCXH1	6.27		86		840 000	840 000	
580	370804	Nguyễn Mai	Hương	3708	14	TCXH1	7.07		89		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
581	370809	Triệu Tồn	Chàn	3708	14	TCXH1	6.14		86		840 000	840 000	
582	370816	Triệu Thị Yên		3708	14	TCXH1	6.29		84		840 000	840 000	
583	370819	Cầm Thị Thuý		3708	15	TCXH1	6.47		84		840 000	840 000	
584	370820	Phàng A	Sử	3708	18	TCXH1	6.33		84		840 000	840 000	
585	370822	Trương Văn	Băng	3708	16	TCXH1	5.56		82		840 000	840 000	
586	370840	Cao Văn	Đức	3708	13	TCXH1	6.62		86		840 000	840 000	
587	370846	Nguyễn Phương	Thảo	3708	15		7.60		87	1 750 000		1 750 000	Khá
588	370854	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	3708	16		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
589	370861	Nguyễn Thị Nụ		3708	14		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
590	370862	Nguyễn Thị Hằng		3708	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
591	370863	Đỗ Thị Thơm		3708	17		7.71		87	1 750 000		1 750 000	Khá
592	370864	Vũ Thị Tuyết		3708	17		7.76		87	1 750 000		1 750 000	Khá
593	370902	Lê Hồng	Phương	3709	14		7.57		87	1 750 000		1 750 000	Khá
594	370908	Đàm Thị Tiếp		3709	16	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
595	370916	Ma Thị Huệ		3709	15	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
596	370917	Lê Thị Vui		3709	15	TCXH1	6.00	1	86		840 000	840 000	
597	370925	Nguyễn Thị Hạnh		3709	14		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
598	370964	Trịnh Thị Mai		3709	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
599	370966	Nguyễn Thị Tuyết		3709	16		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
600	370971	Lê Mai	Khanh	3709	15		7.80		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
601	371001	Hoàng Thị	Hương	3710	15	TCXH1	6.93		79		840 000	840 000	
602	371006	Hoàng Văn	Tuân	3710	15	TCXH1	5.73	1	77		840 000	840 000	
603	371009	Triệu Thị	Lý	3710	15	TCXH1	6.40		79		840 000	840 000	
604	371010	Nguyễn Hồng	Hải	3710	16		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
605	371023	Tạ Thị	Hương	3710	15	TCXH1	6.73		84		840 000	840 000	
606	371032	Đào Thị	Ngân	3710	16		7.69		84	1 750 000		1 750 000	Khá
607	371039	Lê Thị	Thảo	3710	16	TCXH1	6.81		81		840 000	840 000	
608	371066	Hoàng Thị	Lan	3710	17		7.76		87	1 750 000		1 750 000	Khá
609	371108	Lộc Thị ánh	Huyền	3711	15	TCXH1	6.67		86		840 000	840 000	
610	371111	Hoàng Thị	Phượng	3711	15	TCXH1	6.40		86		840 000	840 000	
611	371114	Sủng A	Súa	3711	17	TCXH1	6.18	2	84		840 000	840 000	
612	371116	Hoàng Ngọc	Thái	3711	16	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
613	371119	Hoàng Thị	Thắm	3711	14	TCXH1	7.21		67		840 000	840 000	
614	371121	Sùng Thị	Mai	3711	14	TCXH1	6.14		84		840 000	840 000	
615	371127	Phan Tuyết Vân	Anh	3711	18		8.44		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
616	371130	Khuất Thị	Hường	3711	15		7.60		87	1 750 000		1 750 000	Khá
617	371131	Nguyễn Thị Khánh	Hằng	3711	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
618	371143	Trần Thị	Hiền	3711	16	TCXH1	7.06		67		840 000	840 000	
619	371145	Lê Thị	Thoa	3711	14	TCXH1	6.00		84		840 000	840 000	
620	371146	Bùi Thị	Châu	3711	14	TCXH1	7.57		67		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
621	371177	Đàm Thị Hà	3711	14	TCXH1	7.57		67		840 000	840 000	
622	371203	Dương Thị Thanh Bình	3712	14	TCXH1	6.79		84		840 000	840 000	
623	371208	Hoàng Thanh Hoài	3712	14	TCXH1	6.36		84		840 000	840 000	
624	371209	Hứa Thị Liễu	3712	15	TCXH1	7.20		87		840 000	840 000	
625	371220	Vàng Thị Hạnh	3712	15	TCXH1	6.53		84		840 000	840 000	
626	371223	Vàng A Lữ	3712	17	TCXH1	6.88		84		840 000	840 000	
627	371232	Trịnh Thị Thuỳ Dương	3712	14		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
628	371241	Lữ Thị Thuỷ	3712	18	TCXH1	6.61	1	85		840 000	840 000	
629	371243	Phan Thị Uyên	3712	17	TCXH1	7.06		88		840 000	840 000	
630	371245	Lý Thị Xuân	3712	15	TCXH1	6.87		85		840 000	840 000	
631	371246	Nông Thị Khánh Hoà	3712	15	TCXH1	6.73		85		840 000	840 000	
632	371258	Nguyễn Tuấn Khang	3712	14		8.14		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
633	371263	Lường Thị Thương	3712	17		7.82		87	1 750 000		1 750 000	Khá
634	371269	Nguyễn Hồng Đào	3712	18		7.61		96	1 750 000		1 750 000	Khá
635	371303	Nông Thị Trang	3713	15	TCXH1	6.80		84		840 000	840 000	
636	371309	Lê Thị Bích	3713	14	TCXH1	7.36		87		840 000	840 000	
637	371311	Hoàng Thị Mai Hiền	3713	13	TCXH1	6.92		64		840 000	840 000	
638	371312	Triệu Thị Lan	3713	15	TCXH1	6.73		84		840 000	840 000	
639	371314	Lầu A Tủa	3713	18	TCXH1	5.06	1	76		840 000	840 000	
640	371315	Triệu Thị Xuân	3713	15	TCXH1	6.00		64		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
641	371316	Hoàng Thị	Hạnh	3713	17	TCXH1	6.71		84		840 000	840 000	
642	371321	Sùng A	Súa	3713	13	TCXH1	6.92		64		840 000	840 000	
643	371332	Nguyễn Thị Thảo	Linh	3713	15		7.53		95	1 750 000		1 750 000	Khá
644	371345	Vì Thị	Hương	3713	16	TCXH1	6.69		84		840 000	840 000	
645	371373	Nguyễn Đăng	Hoà	3713	14		7.86		87	1 750 000		1 750 000	Khá
646	371403	Mông Thị	Vượng	3714	17	TCXH1	6.76		84		840 000	840 000	
647	371405	Ma Thị	Là	3714	14		8.14		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
648	371407	Chu Xé	Cà	3714	14		7.79		88	1 750 000		1 750 000	Khá
649	371410	Đàm Thị	Khuyên	3714	15	TCXH1	7.13		87		840 000	840 000	
650	371415	Lộc Thị	Lại	3714	14	TCXH1	6.43		84		840 000	840 000	
651	371416	Hoàng Thị Minh	Trang	3714	17	TCXH1	6.65		84		840 000	840 000	
652	371420	Chu Thị	Diên	3714	15	TCXH1	7.33		88		840 000	840 000	
653	371423	Tần Thị	Dua	3714	15	TCXH1	7.33		87		840 000	840 000	
654	371424	Bùi Thị	Huyền	3714	17		7.65		87	1 750 000		1 750 000	Khá
655	371428	Nguyễn Thị Minh	Thúy	3714	17		7.65		87	1 750 000		1 750 000	Khá
656	371430	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	3714	17		7.88		88	1 750 000		1 750 000	Khá
657	371437	Thân Thị	Hạnh	3714	14		8.21		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
658	371449	Lê Hồng	Anh	3714	15		7.67		99	1 750 000		1 750 000	Khá
659	371452	Vũ Bình	An	3714	15		7.93		99	1 750 000		1 750 000	Khá
660	371457	Nguyễn Văn	Lực	3714	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
661	371476	Nguyễn Hải	Yến	3714	17		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
662	371501	Nông Bích	Thu	3715	14	TCXH1	6.71		86		840 000	840 000	
663	371505	Nguyễn Thị Phương	Thúy	3715	16		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
664	371506	Đàm Văn	Linh	3715	16	TCXH1	7.13		89		840 000	840 000	
665	371511	Bùi Thị	Minh	3715	14	TCXH1	5.93	1	82		840 000	840 000	
666	371515	Ngô Thị Bích	Lành	3715	14		7.57		87	1 750 000		1 750 000	Khá
667	371516	Đỗ Thị	Hoa	3715	16	TCXH1	7.13		88		840 000	840 000	
668	371518	Vương Thị	Dung	3715	15	TCXH1	5.87		82		840 000	840 000	
669	371520	Giàng Minh	Lúa	3715	17	TCXH1	6.65		86		840 000	840 000	
670	371521	Lò Thị	Dân	3715	16	TCXH1	6.94		95		840 000	840 000	
671	371522	Sần Seo	Xiền	3715	16	TCXH1	6.88		86		840 000	840 000	
672	371523	Nguyễn Thị	Vân	3715	15		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
673	371531	Nguyễn Thị Phương	Lan	3715	17		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
674	371532	Đỗ Thị	Nga	3715	14		7.79		96	1 750 000		1 750 000	Khá
675	371537	Vy Thị	Lan	3715	15	TCXH1	6.93		84		840 000	840 000	
676	371540	Nông Hải	Yến	3715	14		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
677	371543	Lý Văn	Thông	3715	15	TCXH1	5.93	1	82		840 000	840 000	
678	371544	Nguyễn Diệu	Linh	3715	14		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
679	371547	Lương Quốc	Kiều	3715	15	TCXH1	5.20	1	84		840 000	840 000	
680	371558	Hoàng Thị	Gấm	3715	14		7.71		97	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
681	371566	Đinh Thị Huyền	3715	14		7.71		87	1 750 000		1 750 000	Khá
682	371570	Nguyễn Thị Phương Thảo	3715	15		7.93		97	1 750 000		1 750 000	Khá
683	371602	La Nông Dương	3716	16	TCXH1	6.19		84		840 000	840 000	
684	371606	Nguyễn Thị Thảo	3716	15	TCXH1	5.73		78		840 000	840 000	
685	371610	Lò Thị Thảo	3716	17	TCXH1	7.35		83		840 000	840 000	
686	371611	Lục Thị Hồng	3716	16	TCXH1	6.38		83		840 000	840 000	
687	371618	Cầm Thị Hoà	3716	16	TCXH1		6			840 000	840 000	
688	371619	Nguyễn Thị Duệ	3716	15	TCXH1	7.13		84		840 000	840 000	
689	371620	Sông Lao Vụ	3716	16	TCXH1	6.19		82		840 000	840 000	
690	371629	Đinh Thị Là	3716	17		7.53		83	1 750 000		1 750 000	Khá
691	371643	Hà Thị Dậu	3716	16	TCXH1	6.94		80		840 000	840 000	
692	371644	Lý Thị Thơ	3716	15	TCXH1	7.40		83		840 000	840 000	
693	371648	Trương Thị Nga	3716	15	TCXH1	7.13		84		840 000	840 000	
694	371649	Phùng Thị Phương Thảo	3716	15		8.00		92	2 000 000		2 000 000	Giỏi
695	371712	Hoàng Thu Hà	3717	15	TCXH1	7.20		87		840 000	840 000	
696	371714	Bùi Hồng Hạnh	3717	14	TCXH1	7.50		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
697	371719	Trần Thị Huyền	3717	14	TCXH1	6.86		84		840 000	840 000	
698	371745	Nguyễn Văn Bình	3717	15	TCXH1	6.73		84		840 000	840 000	
699	371748	Lương Thanh Tú	3717	16	TCXH1	6.25	1	80		840 000	840 000	
700	371752	Nguyễn Tiến Dũng	3717	15		7.73		95	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
701	371759	Ngô Thị	Hồng	3717	17		7.76		87	1 750 000		1 750 000	Khá
702	371760	Lê Văn	Quang	3717	14		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
703	371765	Nguyễn Thanh	Phương	3717	16		8.13		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi
704	371770	Trần Thị Vân	Hạnh	3717	15		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
705	371801	Lãnh Thị	Hằng	3718	14	TCXH1	7.00		88		840 000	840 000	
706	371802	Nông Thị	Tâm	3718	15	TCXH1	6.73		86		840 000	840 000	
707	371805	Ma Thị	Thảo	3718	15	TCXH1	6.47	1	78		840 000	840 000	
708	371806	Nguyễn Thị	Linh	3718	16	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
709	371807	Nguyễn Minh	Huy	3718	14		7.64		87	1 750 000		1 750 000	Khá
710	371810	Bạc Thị	Hưởng	3718	15	TCXH1	6.53		86		840 000	840 000	
711	371816	Nông Thị	Cần	3718	15	TCXH1	6.13		86		840 000	840 000	
712	371818	Vi Thị	Linh	3718	17	TCXH1	5.71	1	76		840 000	840 000	
713	371819	Đặng Thị	Lúu	3718	15	TCXH1	7.13		89		840 000	840 000	
714	371821	Tần Xa	Ngọc	3718	18	TCXH1	7.00		89		840 000	840 000	
715	371822	Giàng A	Di	3718	17	TCXH1	6.35		86		840 000	840 000	
716	371823	Lý Văn	Tám	3718	14	TCXH1	6.93		86		840 000	840 000	
717	371825	Hoàng Diệu	Thùy	3718	14		7.57		87	1 750 000		1 750 000	Khá
718	371837	Len Thị	Phương	3718	17	TCXH1	6.82		84		840 000	840 000	
719	371841	Nguyễn Thị Việt	Trình	3718	16		8.00		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi
720	371842	Nguyễn Thị	Như	3718	14		7.64		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
721	371847	Hoàng Thị Thuỳ Linh	3718	14	TCXH1	7.71		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
722	371848	Hoàng Thị Năm	3718	16	TCXH1	6.63		84		840 000	840 000	
723	371859	Nông Thị Lan	3718	14		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
724	371869	Trần Thị Thuý An	3718	15		7.87		87	1 750 000		1 750 000	Khá
725	371876	Hồ Thị Thái Thuỳ	3718	15		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
726	371902	Vũ Thị Lan	3719	15	TCXH1	6.80		86		840 000	840 000	
727	371903	Lò Diệu Thu	3719	17	TCXH1	7.29		89		840 000	840 000	
728	371906	Nông Thị Yến	3719	15	TCXH1	7.07		89		840 000	840 000	
729	371911	Tô Thị Thu Thuỷ	3719	16		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
730	371913	Hà Thị Thông	3719	15	TCXH1	6.93		86		840 000	840 000	
731	371914	Đinh Thị Thanh Nguyệt	3719	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
732	371918	Cao Thị Thủy	3719	17	TCXH1	6.76		84		840 000	840 000	
733	371919	Hoàng Thị ánh	3719	16	TCXH1	6.13		84		840 000	840 000	
734	371922	Nông Thị Thế	3719	15	TCXH1	6.73		84		840 000	840 000	
735	371924	Lê Sỹ Anh	3719	15	TCXH2	7.47		89		600 000	600 000	
736	371930	Nguyễn Quỳnh Anh	3719	17		7.59		87	1 750 000		1 750 000	Khá
737	371937	Phạm Thị Thu Huế	3719	14		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
738	371947	Nguyễn Thị Tố Linh	3719	15	TCXH1	6.60	1	80		840 000	840 000	
739	371955	Nguyễn Thị Châm	3719	15		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
740	372005	Vi Thị Miên	3720	17	TCXH1	6.59	1	82		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
741	372010	Bùi Thị Ngọc	Hà	3720	15	TCXH1	6.13	1	84		840 000	840 000	
742	372012	Hoàng Anh	Thái	3720	14	TCXH1	6.14		86		840 000	840 000	
743	372016	Hoàng Thị Kim	Duyên	3720	17	TCXH1	7.29		87		840 000	840 000	
744	372020	Lý Thị	Diễm	3720	15	TCXH1	6.53		84		840 000	840 000	
745	372023	Lường Văn	Dận	3720	15	TCXH1	6.47		84		840 000	840 000	
746	372025	Trịnh Thế	Hùng	3720	14		7.79		96	1 750 000		1 750 000	Khá
747	372043	Giàng Thị	Ninh	3720	18	TCXH1	6.44		86		840 000	840 000	
748	372048	Ma Huyền	Trang	3720	14	TCXH1	7.07		89		840 000	840 000	
749	380101	Quách Thu	Hằng	3801	16	TCXH1	6.25		87		840 000	840 000	
750	380103	Ma Thị	Thanh	3801	16	TCXH1	5.25	1	82		840 000	840 000	
751	380107	Vy Thị Mỹ	Duyên	3801	16		7.00		94	1 750 000		1 750 000	Khá
752	380123	Triệu Thị	Trang	3801	16	TCXH1	6.31		87		840 000	840 000	
753	380125	Trần Thị	Nga	3801	16	TCXH1	4.19	2	74		840 000	840 000	
754	380131	Trần Thị Phương	Thảo	3801	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
755	380160	Lương Thị Hoài	Thu	3801	16		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
756	380170	Nguyễn Ngọc	Hải	3801	16		7.00		88	1 750 000		1 750 000	Khá
757	380202	Đàm Nhật	Lệ	3802	16	TCXH1	6.88		84		840 000	840 000	
758	380208	Vi Thị Mỹ	Huyền	3802	16	TCXH1	6.75		86		840 000	840 000	
759	380211	Triệu Thị	Hiền	3802	16	TCXH1	5.44	1	82		840 000	840 000	
760	380215	Ma Thị	Phượng	3802	16	TCXH1	4.81	1	74		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
761	380216	Dương Thị	Huệ	3802	16	TCXH1	6.44		86		840 000	840 000	
762	380217	Phạm Thị	Mai	3802	16	TCXH1	6.50		86		840 000	840 000	
763	380218	Hoàng Thị	Hằng	3802	16	TCXH1	6.00		86		840 000	840 000	
764	380219	Hà Thị	Dỹ	3802	16	TCXH1	5.56		82		840 000	840 000	
765	380245	Phan Huyền	Trang	3802	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá
766	380252	Ngô Thị	Ngọc	3802	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá
767	380257	Hoàng Văn	Văn	3802	16	TCXH1	5.88		81		840 000	840 000	
768	380264	Khà Thị Hoài	Thương	3802	16	TCXH1	4.75	1	74		840 000	840 000	
769	380265	Lương Văn	Tùng	3802	16	TCXH1	5.63	1	80		840 000	840 000	
770	380266	Đỗ Quang	Anh	3802	16		7.13		88	1 750 000		1 750 000	Khá
771	380331	Phan Thị Hoài	Nhi	3803	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
772	380344	Nguyễn Quang	Đức	3803	16		7.00		89	1 750 000		1 750 000	Khá
773	380348	Nguyễn Thanh	Bình	3803	16		7.13		97	1 750 000		1 750 000	Khá
774	380406	Vi Đức	Giang	3804	16	TCXH1	5.44	1	82		840 000	840 000	
775	380408	Trương Mai	Sơn	3804	16	TCXH1	6.88		84		840 000	840 000	
776	380409	Lò Văn	Hặc	3804	16	TCXH1	6.19		84		840 000	840 000	
777	380418	Đinh Thị Phương	Thảo	3804	16	TCXH1	6.13		86		840 000	840 000	
778	380426	Nguyễn Thị Thanh	Nga	3804	16		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
779	380503	Mã Thị Khánh	Phương	3805	16	TCXH1	4.69	1	74		840 000	840 000	
780	380504	Hứa Văn	Linh	3805	16	TCXH1	4.81	1	75		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
781	380516	Nông Thị Thanh	Thuỷ	3805	16	TCXH1	4.88	1	78		840 000	840 000	
782	380526	Nguyễn Thị Phương	Liên	3805	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá
783	380531	Cứ A	Phừ	3805	16	TCXH1	5.44		82		840 000	840 000	
784	380540	Vũ Hà	My	3805	16		7.13		89	1 750 000		1 750 000	Khá
785	380544	Nguyễn Thu	Thủy	3805	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
786	380555	Triệu Thị	Ngoan	3805	16	TCXH1	5.88		82		840 000	840 000	
787	380556	Đình Khánh	Linh	3805	16		7.13		85	1 750 000		1 750 000	Khá
788	380567	Phùng Vũ	Hiệp	3805	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
789	380606	Lèng ánh	Diện	3806	16		7.00		89	1 750 000		1 750 000	Khá
790	380607	Lục Thị Thanh	Hải	3806	16	TCXH1	6.19		86		840 000	840 000	
791	380618	Nguyễn Thị Lệ	Giang	3806	16	TCXH1	5.25	1	82		840 000	840 000	
792	380631	Hoàng Văn	Hành	3806	16	TCXH1	5.81	1	85		840 000	840 000	
793	380633	Hoàng Thu	Hà	3806	16	TCXH1	4.56	2	75		840 000	840 000	
794	380657	Nguyễn Chí	Hiếu	3806	16		7.06		96	1 750 000		1 750 000	Khá
795	380660	Trần Khả	Nhật	3806	16		7.38		96	1 750 000		1 750 000	Khá
796	380663	Lê Dạ Lan	Hương	3806	16		7.69		97	1 750 000		1 750 000	Khá
797	380707	Giàng Thị	Tăng	3807	16	TCXH1	6.00		86		840 000	840 000	
798	380711	Triệu Thị	Vinh	3807	16	TCXH1	5.44		82		840 000	840 000	
799	380713	Hoàng Thị Minh	Thư	3807	16	TCXH1	5.88		83		840 000	840 000	
800	380714	Nguyễn Duy	Bình	3807	16	TCXH1	6.44		86		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
801	380717	Hà Thị Thu	Thủy	3807	16	TCXH1	5.31	1	82		840 000	840 000	
802	380718	Lương Thị ánh	Loan	3807	16	TCXH1	6.56		87		840 000	840 000	
803	380728	Hoàng Thị	Giang	3807	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
804	380731	Lý Y	Long	3807	16	TCXH1	3.44	3	74		840 000	840 000	
805	380736	Ngân Thị Diệu	Linh	3807	16	TCXH1	5.69		82		840 000	840 000	
806	380738	Phạm Thị Hồng	Thơ	3807	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
807	380740	Nguyễn Hữu	Anh	3807	16		7.81		88	1 750 000		1 750 000	Khá
808	380743	Tân Thị Thu	Trang	3807	16	TCXH1	6.00		84		840 000	840 000	
809	380751	Nguyễn Duy	Anh	3807	16		7.00		97	1 750 000		1 750 000	Khá
810	380753	Ngô Thị	Phúc	3807	16		7.63		89	1 750 000		1 750 000	Khá
811	380760	Nguyễn Thị Hà	Bắc	3807	16	TCXH1	5.56	1	82		840 000	840 000	
812	380762	Sa Thị Mỹ	Hạnh	3807	16	TCXH1	5.94		82		840 000	840 000	
813	380763	Triệu Thị	Duyên	3807	16	TCXH1	5.94	1	82		840 000	840 000	
814	380764	Trần Thị	Thu	3807	16	TCXH1	4.94	1	75		840 000	840 000	
815	380766	Lương Văn	Thạch	3807	16	TCXH1	4.31	2	74		840 000	840 000	
816	380803	Hoàng Thị	Tĩnh	3808	16	TCXH1	6.75		86		840 000	840 000	
817	380805	Dương Thị	Điệp	3808	16	TCXH1	6.31		86		840 000	840 000	
818	380809	Bùi Thị	Cẩm	3808	16	TCXH1	5.50	1	82		840 000	840 000	
819	380812	Quách Bình	Nhi	3808	16	TCXH1	5.31	1	82		840 000	840 000	
820	380815	Nguyễn Thanh	Mai	3808	16	TCXH1	5.31	1	80		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
821	380816	Nhan Thị	Hoài	3808	16	TCXH1	5.81		82		840 000	840 000	
822	380819	Lường Mai	Huế	3808	16	TCXH1	4.81	1	84		840 000	840 000	
823	380822	Bế Thị	Chuyên	3808	16	TCXH1	6.44		86		840 000	840 000	
824	380831	Mùa A	Vắng	3808	16	TCXH1	7.00		89	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
825	380833	Bạch Thị	Ngọc	3808	16		7.06		87	1 750 000		1 750 000	Khá
826	380834	Lường Văn	Bình	3808	16	TCXH1	4.81	1	84		840 000	840 000	
827	380835	Vừ Thị	Dung	3808	16	TCXH1	5.75		75		840 000	840 000	
828	380839	Ngô Thị Thùy	Dương	3808	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
829	380848	Hoàng Diệu	Linh	3808	16		7.56		96	1 750 000		1 750 000	Khá
830	380854	Nông Thị Thanh	Tuyền	3808	16	TCXH1	5.94	1	82		840 000	840 000	
831	380855	Hà Hải	Nam	3808	16	TCXH1	6.19		84		840 000	840 000	
832	380859	Sông A	Duẩn	3808	16	TCXH1	5.88		82		840 000	840 000	
833	380902	Hoàng Thị	Hoan	3809	16	TCXH1	5.31	1	82		840 000	840 000	
834	380905	Lý Thị Huyền	Trắng	3809	16	TCXH1	5.19	1	82		840 000	840 000	
835	380907	Vàng Thị	Phương	3809	16	TCXH1	6.00		86		840 000	840 000	
836	380917	Phùng Phi	Hùng	3809	16	TCXH1	7.63		88	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
837	380921	Nguyễn Thành	Đô	3809	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá
838	380926	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	3809	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá
839	380950	Nguyễn Phụng	Hà	3809	16		7.38		97	1 750 000		1 750 000	Khá
840	380955	Ngô Việt	Hoàng	3809	16	TCXH1	6.50		84		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
841	380965	Dương Thị Ngọc	Lê	3809	16	TCXH1	4.56	2	74		840 000	840 000	
842	380966	Phạm Văn	Cương	3809	16	TCXH1	4.38	1	75		840 000	840 000	
843	380967	Nguyễn Thị Bảo	Yến	3809	16	TCXH1	4.75	2	74		840 000	840 000	
844	381007	Hà Trúc	Ly	3810	16	TCXH1	5.19	1	82		840 000	840 000	
845	381028	Lò Thị	Văn	3810	16	TCXH1	5.00	1	82		840 000	840 000	
846	381057	Lý Văn	Sơn	3810	16	TCXH1	5.50	1	64		840 000	840 000	
847	381058	Phùng Thị	Ngọc	3810	16		7.13		88	1 750 000		1 750 000	Khá
848	381105	Chu Thị	Nga	3811	16	TCXH1	4.75	2	64		840 000	840 000	
849	381130	Vy Thị	Mẫn	3811	16	TCXH1	5.25	1	62		840 000	840 000	
850	381143	Trần Thị Hồng	Nhung	3811	16		7.13		85	1 750 000		1 750 000	Khá
851	381150	Vũ Minh	Công	3811	16		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
852	381151	Hoàng Văn	Ba	3811	16	TCXH1	4.25	2	64		840 000	840 000	
853	381153	Lộc Thị	Lệ	3811	16	TCXH1	5.81	1	64		840 000	840 000	
854	381155	Nguyễn Thị	Mơ	3811	16	TCXH1	5.31		62		840 000	840 000	
855	381166	Trần Thanh	Sơn	3811	16		7.94		88	1 750 000		1 750 000	Khá
856	381171	Nguyễn Thanh	Nguyệt	3811	16		7.00		81	1 750 000		1 750 000	Khá
857	381204	Bùi Phương	Anh	3812	16	TCXH1	5.19	2	84		840 000	840 000	
858	381207	Nguyễn Thu	Hiền	3812	16		7.50		87	1 750 000		1 750 000	Khá
859	381208	Nguyễn Thị	Huệ	3812	16		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
860	381209	Hà Ngọc	Long	3812	16		7.00		88	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
861	381216	Nông Thị	Hằng	3812	16	TCXH1	5.13	1	82		840 000	840 000	
862	381227	Bùi Thị Bích	Thêu	3812	16	TCXH1	5.44	2	82		840 000	840 000	
863	381231	Nguyễn Thị	Vân	3812	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
864	381252	Lê Hoàng Phương	Linh	3812	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
865	381253	Nguyễn Ngọc	Anh	3812	19		7.26		87	1 750 000		1 750 000	Khá
866	381255	Trần Nhật	Hà	3812	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
867	381256	Nguyễn Hoàng	Anh	3812	16		7.19		87	1 750 000		1 750 000	Khá
868	381266	Phạm Nguyễn Thúy	Hà	3812	19		7.37		84	1 750 000		1 750 000	Khá
869	381270	Vũ Trần Phương	Trang	3812	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
870	381303	Hoàng Thị Bích	Nhung	3813	16	TCXH1	6.25		86		840 000	840 000	
871	381330	Hà Thị	Phương	3813	16	TCXH1	6.00		86		840 000	840 000	
872	381365	Lê Minh	Tuấn	3813	16	TCXH1	5.19	1	76		840 000	840 000	
873	381401	Triệu Thùy	Linh	3814	16	TCXH1	6.25		86		840 000	840 000	
874	381403	Bùi Thị Thanh	Thủy	3814	16	TCXH1	5.94	1	82		840 000	840 000	
875	381410	Ngô Thị	Hà	3814	16	TCXH1	6.81		84		840 000	840 000	
876	381412	Phan Thị	Vui	3814	16	TCXH1	6.31		82		840 000	840 000	
877	381417	Ngô Thị ánh	Nguyệt	3814	16		7.00		85	1 750 000		1 750 000	Khá
878	381422	Cao Thị	An	3814	16		7.56		93	1 750 000		1 750 000	Khá
879	381442	Nguyễn Thị	Thanh	3814	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
880	381446	Lê Thị Vành	Khuyên	3814	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
881	381448	Vũ Việt	Hùng	3814	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
882	381501	Nguyễn Thị	Hoàn	3815	16		7.00		88	1 750 000		1 750 000	Khá
883	381531	Vương Thu	Hằng	3815	16	TCXH1	6.00		86		840 000	840 000	
884	381532	Tao Văn	Đăm	3815	16	TCXH1	5.50	1	82		840 000	840 000	
885	381538	Nguyễn Thành	Đạt	3815	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
886	381541	Trần Thị Lệ	Thủy	3815	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá
887	381557	Lý Thị	Hạnh	3815	16	TCXH1	5.50	1	78		840 000	840 000	
888	381558	Hồ Thanh	Phong	3815	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
889	381560	Bàn Thị	Nhung	3815	16	TCXH1	5.38	1	82		840 000	840 000	
890	381563	Phạm Vĩnh	Hải	3815	16		7.50		95	1 750 000		1 750 000	Khá
891	381603	Hà Thị	Ly	3816	16	TCXH1	5.69		82		840 000	840 000	
892	381607	Chu Thị	Linh	3816	16	TCXH1	6.56		86		840 000	840 000	
893	381612	Nguyễn Ngọc	Thái	3816	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
894	381613	Phan Thị Thanh	Tâm	3816	16		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
895	381616	Lê Thị Thu	Hà	3816	16		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
896	381620	Đặng Thị Thu	Giang	3816	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
897	381638	Vũ Gia	Linh	3816	16		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
898	381641	Phạm Huy	Khánh	3816	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
899	381649	Nguyễn Thuý	Hằng	3816	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá
900	381657	Vũ Thị Thanh	Hằng	3816	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
901	381658	Bùi Việt	Anh	3816	16		7.06		87	1 750 000		1 750 000	Khá
902	381660	Vũ Hoàng	Long	3816	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
903	381661	Nguyễn Phương	Uyên	3816	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
904	381667	Luân Thị	Nường	3816	16	TCXH1	6.69		86		840 000	840 000	
905	381720	Lê Văn	Tiến	3817	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
906	381723	Mùi Thị	Ngọc	3817	16	TCXH1	5.25	1	82		840 000	840 000	
907	381750	Hoàng Thị	Hiên	3817	16	TCXH1	4.56	2	72		840 000	840 000	
908	381764	Hoàng Thị	Linh	3817	16	TCXH1	5.56		82		840 000	840 000	
909	381803	Hoàng Văn	Thiệp	3818	16	TCXH1	6.81		86		840 000	840 000	
910	381804	Bàn Hồng	Hạnh	3818	16	TCXH1	4.81	1	74		840 000	840 000	
911	381816	Tòng Thúc	Sinh	3818	16	TCXH1	4.31	2	67		840 000	840 000	
912	381830	Lò Văn	Sinh	3818	16	TCXH1	7.44		68		840 000	840 000	
913	381856	Bế Thị	Trang	3818	16	TCXH1	5.25	1	82		840 000	840 000	
914	381858	Lý Thị Mai	Phương	3818	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
915	381860	Hứa Bích	Phương	3818	16	TCXH1	5.25	1	82		840 000	840 000	
916	381866	Trần Nguyễn Thu	Hiên	3818	16		7.88		89	1 750 000		1 750 000	Khá
917	381904	Đinh Thị	Nga	3819	16	TCXH1	4.75	2	74		840 000	840 000	
918	381905	Hà Dương	Thắm	3819	16	TCXH1	5.13	1	82		840 000	840 000	
919	381915	Vi Nguyễn Thuý	Hường	3819	16	TCXH1	5.63	1	82		840 000	840 000	
920	381916	Đinh Thị Thuý	Ngà	3819	16	TCXH1	6.00		84		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
921	381919	Nông Thị	Chinh	3819	16	TCXH1	5.69		82		840 000	840 000	
922	381922	Nguyễn Thị	Chiến	3819	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
923	381931	Hà Thị	Len	3819	16	TCXH1	4.88	2	74		840 000	840 000	
924	381943	Lý Khánh	Vân	3819	16	TCXH1	6.81		96		840 000	840 000	
925	381947	Hoàng Thị Thu	Huyền	3819	16		7.31		95	1 750 000		1 750 000	Khá
926	381948	Nguyễn Cẩm	Tú	3819	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
927	381950	Ngải Khánh	Hoà	3819	16	TCXH1	5.69		82		840 000	840 000	
928	381954	Nông Thị	Mơ	3819	16	TCXH1	6.00		84		840 000	840 000	
929	381960	Lương Nhật	Lệ	3819	16	TCXH1	6.69		84		840 000	840 000	
930	381961	Trịnh Thị	Phương	3819	16	TCXH1	5.38	1	82		840 000	840 000	
931	381962	Phạm Thị	Hương	3819	16	TCXH1	5.44		82		840 000	840 000	
932	381963	Vương Thị	Gái	3819	16	TCXH1	5.25	1	82		840 000	840 000	
933	382001	La Thị	Điểm	3820	16	TCXH1	6.63		86		840 000	840 000	
934	382007	Vàng Mí	Say	3820	16	TCXH1	6.56		86		840 000	840 000	
935	382011	Bàn Thị	Huế	3820	16	TCXH1	5.69		82		840 000	840 000	
936	382016	Nông Thị	Liều	3820	16	TCXH1	5.50		82		840 000	840 000	
937	382029	Lê Thị Thanh	Thanh	3820	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
938	382054	Trần Thị Mỹ	Huyền	3820	16	TCXH1	4.94	1	74		840 000	840 000	
939	382062	Vũ Mạnh	Tuấn	3820	16	TCXH1	5.31	1	82		840 000	840 000	
940	382063	Đinh Hà	Trang	3820	16	TCXH1	4.94	1	74		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
941	382064	Hạ Bá Chùa	3820	16	TCXH1	4.31	3	72		840 000	840 000	
		Tổng							742 250 000	462 120 000	*** **	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG

TS Phan Chí Hiếu